TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ** **TP. ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 28/2025/DS-ST
Ngày: 18 - 4 - 2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Du

2. Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự- Thư ký tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K**

Trụ sợ chính: 40-42 - D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ liên hệ: 156 - A N, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị P**

Địa chỉ: E N, tổ E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2024, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K trình bày:

Nguyên vào ngày 03/10/2017, bà Nguyễn Thị P có ký giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 260/17/TC/0502-2978 với Ngân hàng TMCP K - P2 hạn mức thẻ được cấp là 50.000.000 đồng; loại thẻ: VISA CREDIT CLASSIC; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất cho vay và và lãi suất quá hạn 22%/năm.

Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế K2.

Sau khi giải ngân, bà Nguyễn Thị P đã thường xuyên không thực hiện thanh toán theo đúng quy định của sản phẩm thẻ tín dụng Quốc tế K1, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo đến khách hàng nhưng bà Nguyễn Thị P vẫn không thực hiện đúng. Từ ngày 10/6/2019 đến nay bà Nguyễn Thị P đã không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng; tạm tính đến ngày 18/4/2025 dư nợ thẻ của bà Nguyễn Thị P tại Ngân hàng K3, cụ thể là:

Nợ gốc còn lại: 37.336.963 đồng; lãi phát sinh còn lại: 52.931.646 đồng; phí phát sinh còn lại: 65.384.233 đồng. Tổng cộng: 155.652.842 đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng K số tiền tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày 18/4/2025 là 155.652.842 đồng trong đó nợ gốc chưa thanh toán 37.336.963 đồng; lãi phát sinh 52.931.646 đồng; bà P còn phải chịu tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 19/4/2025 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Đối với phí phát sinh 65.384.233 đồng, nay Ngân hàng TMCP L xin rút yêu cầu khởi kiện không buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án buộc khách hàng trả hết toàn bộ số tiền nợ Ngân hàng bao gồm gốc, lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Vào năm 2017 tôi có ký giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kiênlongbank số 260/17/TC/0502-2978 với Ngân hàng TMCP K- Chi nhánh Đ, hạn mức 50.000.000 đồng, loại thẻ Visa Credit C, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay thực chất việc vay này là do tôi đứng ra ký cho cháu tôi cũng làm việc tại Ngân hàng K4 để lấy chỉ tiêu và việc sử dụng thẻ và vay mượn là cháu tôi trực tiếp làm và sử dụng tôi hoàn toàn không biết.

Nay Ngân hàng K khởi kiện tôi yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc còn lại tính đến ngày 17/02/2025 là 37.336.963 đồng, lãi phát sinh còn lại là 52.129.668 đồng, phí phát sinh còn lại là 64.454.233 đồng. Tổng cộng: 153.920.864 đồng.

Nay tôi xác nhận còn nợ Ngân hàng K tổng số tiền 128.202.798 đồng. Tuy nhiên, thẻ này do cháu tôi sử dụng còn tôi thì không sử dụng. Do đó, tôi xin trả số tiền nợ gốc là 37.336.963 đồng còn lãi phát sinh và phí phát sinh còn lại đề nghị Ngân hàng xem xét và giảm hoặc miễn cho tôi và số tiền nợ trên tôi xin trả trong vòng 01 năm tôi trả xong dứt điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP K nộp tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị P vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên vào ngày 03/10/2017, bà Nguyễn Thị P có ký giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế K1 số 260/17/TC/0502-2978 với Ngân hàng TMCP K- Phòng G với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn 22%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP K đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bà phượng về việc cấp thẻ tín dụng và bà P đã thực hiện bảy lần giao dịch với tổng số tiền 60.000.000 đồng nhưng cho đến nay bà P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà đã vi phạm các cam kết về kỳ hạn trả nợ cho Ngân hàng TMCP K. Kể từ khi được cấp thẻ tín dụng đến nay bà P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP K được 30.925.430 đồng, trong đó; tiền gốc 22.663.037 đồng tiền gốc, tiền lãi 7.382.393 đồng, phí phạt chậm trả 880.000 đồng. Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 10/9/2019 Ngân hàng TMCP K đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày 18/4/2025 là 90.268.609 đồng, trong đó; nợ gốc: 37.336.963 đồng; lãi phát sinh 52.913.646 đồng, bà P còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 19/4/2025 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Đối với phí phát sinh 65.384.233 đồng, Ngân hàng TMCP L xin rút yêu cầu khởi kiện không buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và ý kiến, trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3]Đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc: 37.336.963 đồng;

Ngày 03/10/2017, bà Nguyễn Thị P có ký giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế K1 số 260/17/TC/0502-2978 với Ngân hàng TMCP K, theo đó Ngân hàng TMCP K cấp cho bà Nguyễn Thị P thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng TMCP K5 cấp thể hiện; sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện 07 lần giao dịch với số tiền 60.000.000 đồng, tính đến ngày 21/5/2018 bà P đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 30.925.430 đồng. Tính đến ngày 18/4/2025 dư nợ gốc của bà P là 37.336.963 đồng, từ thời điểm đó đến nay bà P không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng. Như vậy, theo bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ như đã viện dẫn nêu trên thì bà P1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng TMCP K. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà P phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trong đó có khoản nợ gốc 37.336.963 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3.1]Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn trả khoản lãi phát sinh 52.931.646 đồng, tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày 18/4/2025. Theo cam kết tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng thì các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn áp dụng là 22%/năm. Như vậy, số tiền Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải thanh toán khoản lãi phát sinh 52.931.646 đồng tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày 18/4/2025. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định "Số tiền lãi: là khoản tiền tổ chức tín dụng phải trả cho khách hàng gửi tiền hoặc khách hàng nhận cấp tín dụng phải trả cho tổ chức tín dụng về việc sử dụng khoản tiền đã nhận". Theo điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định "Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn". Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền nợ gốc là 52.931.646 đồng, tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nên cần chấp nhận.

[4] Căn cứ vào giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 260/17/TC/0502-2978 ngày 03/10/2017; căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với bà Nguyễn Thị P.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch 5% của số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận, gửi tiền, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP K đối với bà Nguyễn Thị P.

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ tính đến ngày 18/4/2025 là 90.268.609 đồng, trong đó; nợ gốc: 37.336.963 đồng; lãi phát sinh 52.931.646 đồng;

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 19/4/2025) bà Nguyễn Thị P còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị P thanh toán khoản nợ phí phát sinh tính đến ngày 18/4/2024 với số tiền là 65.384.233 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 4.513.430 đồng, bà Nguyễn Thị P phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.205.070 đồng theo biên lai thu số 0009398 ngày 17/12/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP ..

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

Lê Văn Lâm